TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 12/12/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Nhân Trác.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Chu Quang Liêm, bà Nguyễn Thị Hoan

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987; Nơi ĐKHKTT: Thôn An Q, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn Liễu K, xã Việt T, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Lê Đình T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn An Q, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương;

Những người làm chứng:

- Bà Phạm Thị R, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Thôn Liễu K, xã Việt T, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955 Nơi cư trú: Thôn An Q, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Lê Đình T kết hôn với nhau tự nguyện, được UBND xã Việt Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đăng ký và

cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/9/2018. Sau khi kết hôn anh chị sống tại quê chồng, thôn An Quý, xã Nguyên Giáp cùng với bố mẹ chồng, cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tôn trọng nhau, chị không được sự tôn trọng từ gia đình nhà chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng, tháng 5/2023 chị đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở, gia đình anh Thịnh đã sang đón con của anh chị về và sau đó không cho chị thăm gặp con, chị đã phải nhờ địa phương can thiệp nhưng không được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Thịnh.

Về con chung: Chị và anh Thịnh có một con chung là Lê Đình H, sinh ngày 14/3/2021, hiện đang ở với anh Thịnh. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh Thịnh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, bị đơn anh Lê Đình T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau tự nguyện, được UBND xã Việt Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/9/2018. Sau khi kết hôn anh chị sống tại thôn An Quý, xã Nguyên Giáp, cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau, một phần do mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu. Tháng 5/2023 chị My đã tự ý bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng do công việc bận nên anh cũng không có biện pháp gì cải thiện cuộc sống vợ chồng. Sau khi bố mẹ anh đón con của anh chị về, anh và gia đình không cho chị My thăm gặp con mục đích là vì cháu còn nhỏ sợ cháu quấy khóc, anh mong muốn chị My suy nghĩ lại đề vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng nay chị My có đơn xin ly hôn anh, anh đồng ý với điều kiện để chị để anh nuôi con.

Về con chung: Anh và chị My có một con chung là Lê Đình H, sinh ngày 14/3/2021, hiện cháu đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị My cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị R là mẹ đẻ của chị My trình bày: Sau khi anh Thịnh, chị My kết hôn với nhau, anh chị sống chung ăn chung cùng với gia đình nhà chồng, mọi khoản tiền vợ chồng làm ra đều do bố mẹ chồng giữ, chị không có quyền gì, mỗi khi chị có ý muốn mua gì thì mẹ chồng mắng chửi. Anh Thịnh và gia đình không tôn trọng chị My. Tháng 5/2023 chị My đã bế con về nhà bà ở nhưng sau đó gia đình nhà chồng sang đón cháu về và không cho chị My thăm gặp. Từ những mâu thuẫn đó chị My xin ly hôn anh

Thịnh, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, sớm ổn định cuộc sống và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị My nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của anh Thịnh trình bày: Anh Thịnh, chị My kết hôn với nhau là tự nguyện, sau khi kết hôn anh chị sống chung, ở chung cùng nhà với ông bà, cuộc sống vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì, việc vợ chồng đánh cãi nhau ở công ty ông bà chỉ nghe nói chứ không biết. Tháng 4/2023 chị My đã tự ý bế con về quê mẹ đẻ sinh sống, kể từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Do con của anh Thịnh, chị My còn nhỏ nên ông bà đã đón cháu về chăm và không cho chị My thăm gặp với lý do là cháu còn nhỏ đang quen ở với ông bà không muốn thay đổi môi trường sống. Nay chị My có đơn xin ly hôn ông bà mong muốn chị My suy nghĩ để vợ chồng về đoàn tụ, nếu chị My kiên quyết xin ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Thịnh nuôi con, ông bà sẽ hỗ trợ anh Thịnh trong việc chăm sóc cháu.

Kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xác định: Anh Thịnh và chị My đăng ký kết hôn tại quê chị My. Sau khi kết hôn anh chị đã có thời gian sinh sống tại địa phương, việc mâu thuẫn vợ chồng anh chị địa phương không nắm được. Khoảng tháng 9/2023 chị My có đơn gửi ra UBND xã, địa phương tổ chức hòa giải về mâu thuẫn vợ chồng và thăm đón con nhưng sau khi tổ hòa giải đến làm việc, mẹ anh Thịnh đã bế cháu bé đi, không cho thăm gặp, buổi hòa giải không thành. Nay chị My có đơn khởi kiện ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật để anh chị sớm ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa: Chị My, anh Thịnh vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí toà án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Lê Đình T; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Đình H, sinh ngày 14/3/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị My không yêu cầu anh Thịnh

phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị My phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị M khởi kiện ly hôn anh Lê Đình T; nơi cư trú tại xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Việt Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng ngày 19/9/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị My và anh Thịnh là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị My, anh Thịnh, lời khai người làm chứng, biên bản xác minh tại địa phương, có căn cứ xác định trong cuộc sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, do hai người không có tiếng nói chung; mặt khác, chị My và gia đình nhà chồng cũng đã xảy ra mâu thuẫn. Chị My đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 5/2023 đến nay, anh chị không còn quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Thịnh cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ, qua đó thể hiện ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị My và anh Thịnh đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.Vì vậy, căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xử cho chị My ly hôn với anh Thịnh là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, chị My và anh Thịnh có một con chung là Lê Đình H, sinh ngày 14/3/2021. Hiện tại cháu Hưng đang ở với anh Thịnh. Khi ly hôn chị My, anh Thịnh đều có nguyện vọng muốn nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy cháu Hưng còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ, bản thân chị My cũng có chỗ ở và công việc ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, cần giao con chung Lê Đình H cho chị Nguyễn Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị My, không yêu cầu anh Thinh phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Chị My, anh Thịnh đều không yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị My khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Lê Đình T.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Đình H, sinh ngày 14/3/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị My, không yêu cầu anh Thịnh phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Lê Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2022/0000123 ngày 06/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã Việt Tiến, H. Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Nhân Trác